

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-5- 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

2/ Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Hải H, sinh năm: 1990 (**Có đơn xin xét xử vắng mặt**)

Nơi cư trú: Thôn Trung T, xã Trường T, huyện Ứng H, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ L. sinh năm: 1987 (**Vắng mặt**)

Nơi cư trú: Ấp Phú H, xã B, huyện C, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 24/3/2021, nguyên đơn chị Vũ Thị Hải H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Vũ L quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 2008, có tổ chức cưới và chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, khác biệt vùng miền nên khó hòa hợp. Vợ chồng luôn mâu thuẫn, chị không thể sống chung được nữa. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Vũ L.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 31/3/2010 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 8/8/2014, hiện cháu Đ và cháu Q đang sống với anh L. Sau ly hôn chị đồng ý giao hai con cho anh L nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Vũ L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Vũ L vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị H. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của anh L tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì anh L hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở ấp Phú H, xã B, huyện C, An Giang, nhưng anh L vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H ly hôn với anh L. Về con chung: giao hai con cho anh L nuôi dưỡng, chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Vũ L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do. Còn chị Vũ Thị Hải H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị Hải H và anh Nguyễn Vũ L theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hải H và anh Nguyễn Vũ L kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị H trình bày sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, khác biệt vùng miền nên khó hòa hợp. Vợ chồng luôn mâu thuẫn, chị không thể sống chung được nữa. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy với thời gian ngắn

chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy mời nhưng anh L cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị H. Hiện tại chị H xác định không còn tình cảm với anh L. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H cũng như nguyên phần trình bày trong đơn là chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị H và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 31/3/2010 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 8/8/2014, hiện cháu Đ và cháu Q đang sống với anh L. Sau ly hôn chị đồng ý giao cháu Đ và cháu Q cho anh L nuôi dưỡng. Đối với bị đơn anh Nguyễn Vũ Lh vắng mặt tại nhà nên Tòa án không lấy lời khai để biết ý kiến của anh về việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Còn đối với cháu Đ và cháu Q đều trên 7 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình khi quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi, nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tuy nhiên theo phần trình bày của chị H thì hai cháu Đ và cháu Q hiện đang sống với anh L nên Tòa án không thể trực tiếp lấy lời khai cháu Đ và cháu Q được. Tại phần trình bày trong đơn khởi kiện thì chị H cũng đồng ý giao hai con cho anh L nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu, nghĩ nên để anh L được tiếp tục nuôi cháu Đ và cháu Q là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị L theo quy định pháp luật mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu trên tháng, tính theo từng thời điểm mức lương nhà nước quy định cho đến khi cháu Đ và cháu Q tròn 18 tuổi. Anh L phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi chị thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Vũ Thị Hải H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của Chị Vũ Thị Hải H được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58, 81 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị Hải H. Cho ly hôn giữa Vũ Thị Hải H và anh Nguyễn Vũ L.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 10/KH, ngày 6/2/2014 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 31/3/2010 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 8/8/2014, hiện cháu Đ và cháu Q đang sống với anh L. Sau ly hôn anh L được tiếp tục nuôi cháu Đ và cháu Q, chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu trên tháng, tính theo từng thời điểm mức lương nhà nước quy định cho đến khi cháu Đ và cháu Q tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, tiền cấp dưỡng do anh L đại diện nhận. Anh L phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi chị thực hiện quyền này.

3.Về tài sản và nợ chung: Chị Vũ Thị Hải H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Vũ Thị Hải H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007242 ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Vũ Thị Hải H phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

5.Về kháng cáo: Chị Vũ Thị Hải H và anh Nguyễn Vũ L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án (ngày 18/5/2021).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung